UBND TỈNH SÓC TRĂNG
BQL CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 97 /BC-BQL

Sóc Trăng, ngày 17 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO
Tình hình, kết quả thực hiện cải cách hành chính năm 2021

I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính (CCHC)

1. Công tác chỉ đạo điều hành

Nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo thực hiện công tác CCHC, Ban Quản lý các khu công nghiệp đã ban hành và triển khai thực hiện đạt 100% kế hoạch số 01/KH-BQL ngày 19/01/2021 thực hiện cải cách hành chính năm 2021 và các kế hoạch khác có liên quan đến công tác CCHC[1].

Thực hiện hoàn thành 100% kế hoạch số 04/KH-BQL ngày 29/01/2021 kiểm tra công tác CCHC, kiểm soát TTHC năm 2021. Trong đó, tổ chức kiểm tra công tác CCHC, kiểm soát TTHC 01 lần/năm vào ngày 10/9/2021 đối với 03 phòng chuyên môn nghiệp vụ. Kết quả: các phòng chuyên môn nghiệp vụ đã kịp thời trình Chủ tịch UBND tỉnh bãi bỏ và công bố các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết; đồng thời giải quyết hồ sơ cho doanh nghiệp theo đúng quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, trong đó có một số hồ sơ giải quyết trước hạn và đề xuất rút ngắn thời gian giải quyết đối với 09 TTHC lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam, 01 hồ sơ giải quyết trễ hạn trên hệ thống một cửa điện tử (phòng Quản lý Quy hoạch và Xây dựng).

2. Cải cách thể chế

Triển khai kế hoạch thực hiện công tác pháp chế và kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật; nâng cao chất lượng tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến các khu công nghiệp. Trong năm, Ban Quản lý các khu công nghiệp đã trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

---

[1] Các kế hoạch có liên quan đến công tác CCHC năm 2021: Kế hoạch số 02/KH-BQL ngày 26/01/2021 hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính; Kế hoạch số 03/KH-BQL ngày 28/01/2021 tuyên truyền CCHC; Kế hoạch số 04/KH-BQL ngày 29/01/2021 kiểm tra công tác CCHC, công tác kiểm soát thủ tục hành chính; Kế hoạch số 05/KH-BQL ngày 29/01/2021 rà soát, đánh giá thủ tục hành chính; Kế hoạch số 07/KH-BQL ngày 04/02/2021 duy trì, cải tiến Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015; Kế hoạch số 09/KH-BQL ngày 24/02/2021 kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; Kế hoạch số 11/KH-BQL ngày 26/02/2021 thực hiện công tác pháp chế; Kế hoạch số 12/KH-BQL ngày 04/3/2021 tổ chức đánh giá nội bộ thực hiện Hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9001:2015; Kế hoạch số 13/KH-BQL ngày 05/3/2021 theo dõi thi hành pháp luật.

Thường xuyên rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do Ban Quản lý các khu công nghiệp tham mưu UBND tỉnh ban hành để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và đúng theo quy định pháp luật.

3. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

Nhằm bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng đúng thời gian theo quy định, tạo môi trường đầu tư thuận lợi để doanh nghiệp sớm triển khai dự án và hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban Quản lý các khu công nghiệp đã chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, cơ quan liên quan trình UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giải quyết TTHC "Thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" theo cơ chế một cửa liên thông cho nhà đầu tư, doanh nghiệp trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh).

Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh đã trình Chủ tịch UBND tỉnh bãi bỏ 30 TTHC, trong đó: 06 TTHC lĩnh vực lao động, tiền lương, quan hệ lao động, việc làm (Quyết định số 1524/QĐ-UBND ngày 25/6/2021), 19 TTHC lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam (Quyết định số 1913/QĐ-UBND ngày 28/7/2021), 05 TTHC lĩnh vực xây dựng (Quyết định số 2278/QĐ-UBND ngày 06/9/2021). Đồng thời, công bố 34 TTHC, trong đó: 05 TTHC lĩnh vực lao động, tiền lương, việc làm (Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 25/6/2021), 20 TTHC lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam (Quyết định số 1914/QĐ-UBND ngày 28/7/2021), 09 TTHC lĩnh vực xây dựng (Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 06/9/2021) thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sóc Trăng. Trong đó, rút ngắn thời gian giải quyết đối với 9 TTHC lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam.

Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đến thời điểm hiện tại là 40 TTHC và 01 TTHC theo cơ chế một cửa liên thông đã được niêm yết, công khai đầy đủ theo quy định trên bảng treo tường tại trụ sở cơ quan (Bộ phận Một cửa), trên cổng thông tin điện tử và trên phần mềm Một cửa điện tử của Ban Quản lý các khu công nghiệp.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

Tiếp tục kiện toàn, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và thực hiện có hiệu quả công tác tinh giản biên chế theo quy định. Ban Quản lý đã trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp.

Ban Quản lý các khu công nghiệp đã tham mưu UBND tỉnh phê duyệt việc tổ chức lại các đơn vị thuộc Ban Quản lý các khu công nghiệp (Quyết định số 2885/QĐ-UBND ngày 26/10/2021), trong đó giảm số lượng đơn vị thuộc Ban Quản lý các khu công nghiệp từ 5 phòng còn 3 phòng.

5. Cải cách công vụ

Trong năm, có 04 công chức được đào tạo, bồi dưỡng; nâng cao chất lượng, tinh thần trách nhiệm, đạo đức, tác phong và ý thức phục vụ của đội ngũ công chức trong thi hành công vụ gắn với công tác đánh giá và phân loại công chức theo đúng quy định.

6. Cải cách tài chính công

Tiếp tục triển khai cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, nâng cao hiệu quả sử dụng kinh phí quản lý hành chính đảm bảo tiết kiệm, tăng thu nhập cho công chức, người lao động.

7. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý nhà nước, nâng cao hiệu suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan; tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về thực hiện TTHC mức 3, 4 đến doanh nghiệp.

Tổ chức đánh giá nội bộ thực hiện Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào ngày 10/9/2021. Qua đánh giá các phòng chuyên môn nghiệp vụ và Bộ phận một cửa thực hiện tiếp nhận và giải quyết 75 hồ sơ cho doanh nghiệp theo đúng quy trình, trong đó 72 giải quyết trước hạn, 02 hồ sơ đang trong hạn giải quyết, 01 hồ sơ giải quyết trễ hạn trên hệ thống một cửa điện tử nguyên nhân là do công chức phòng chuyên môn tập trung thực hiện một số nhiệm vụ cấp bách phòng, chống dịch Covid-19 nên chưa xử lý kịp trên hệ thống.

(Đính kèm bảng thống kê số liệu và kết quả thực hiện CCHC)

II. Những khó khăn, vướng mắc

Hệ thống quản lý văn bản và điều hành từng lúc bị chậm và không thể đăng nhập được gây ảnh hưởng đến việc xử lý công việc của công chức và trao đổi văn bản giữa các cơ quan, đặc biệt là các văn bản hỏa tốc.

III. Đề xuất, kiến nghị

Hoàn thiện Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành để tạo thuận lợi cho công chức xử lý công việc trên hệ thống và trao đổi văn bản giữa các cơ quan được thông suốt.

IV. Kết quả thực hiện Chỉ thị số 10/CT-CTUBND ngày 28/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh và Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ

1. Trưởng ban đã chỉ đạo thực hiện một số nội dung sau:

Tiếp tục tổ chức thực hiện các kế hoạch có liên quan đến công tác CCHC và các kế hoạch khác nhằm thực hiện kịp thời ý kiến chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và chức năng, nhiệm vụ của Ban Quản lý, phân công nhiệm vụ rõ ràng, đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp. Tổ chức họp giao ban định kỳ hàng tuần

để nghe các phòng báo cáo tiến độ thực hiện, khó khăn, vướng mắc, đồng thời chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đảm bảo thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra.

Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan, 100% công chức sử dụng hệ thống văn bản điện tử trong giải quyết công việc, sử dụng chữ ký số và không trình ký văn bản giấy. Đôn đốc, nhắc nhở việc xử lý hồ sơ TTHC trên phần mềm Một cửa điện tử đảm bảo đúng với tiến độ xử lý hồ sơ thực tế.

Gương mẫu trong thực hiện Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức theo Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26/02/2007.

Tuân thủ các quy định về chế độ hội họp trong hoạt động cơ quan như giảm số lượng cuộc họp không cần thiết, nâng cao chất lượng cuộc họp; chuẩn bị tốt các cuộc họp do cơ quan chủ trì; cử người tham gia dự họp đúng thành phần được mời dự họp.

Tiếp tục quán triệt, phổ biến đến công chức, người lao động Đề án văn hóa công vụ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018.

2. Đối với công chức, người lao động

Công chức, người lao động nâng cao ý thức kỷ luật, chấp hành nghiêm nội quy, quy chế làm việc cơ quan; không sử dụng thời giờ làm việc vào việc riêng; không uống rượu, bia trước, trong giờ làm việc hoặc khi thi hành công vụ,...; có tinh thần, thái độ niềm nở, tôn trọng khi tiếp doanh nghiệp; chấp hành nghiêm quy định về an toàn giao thông và quy định về phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí.

Tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính với tinh thần nghiêm túc, cầu thị, nhanh chóng.

V. Kết quả thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ và kết quả triển khai Đề án văn hóa công vụ

1. Tiếp tục triển khai, quán triệt đến toàn thể công chức trong cơ quan Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc và Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án văn hóa công vụ; Quyết định 319/QĐ-BNV ngày 10/5/2019 của Bộ Nội vụ ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1847/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng về phòng chống tham nhũng, Luật phòng chống tham nhũng năm 2018 và các văn bản có liên quan đến công tác phòng chống tham nhũng.

2. Tăng cường trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng

Quy chế làm việc rõ ràng, minh bạch, cụ thể bảo đảm ngăn chặn được tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sách nhiễu, vòi vĩnh, vụ lợi trong thi hành công vụ.

Trong giao tiếp với người dân, công chức luôn tôn trọng lắng nghe, tận tình hướng dẫn về quy trình xử lý công việc. Thực hiện "4 xin, 4 luôn": xin chào, xin lỗi, xin cám ơn, xin phép; Luôn mỉm cười, luôn nhẹ nhàng, luôn lắng nghe, luôn giúp đỡ.

Tiếp tục thực hiện tốt phong trào thi đua "Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở" theo Quyết định số 733/QĐ-TTg ngày 14/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ với phương châm "Thi đua xây dựng cơ quan, đơn vị văn minh, hiện đại, xanh sạch, đẹp" và "Thi đua thực hiện kỷ cương, trách nhiệm, tận tụy, chuyên nghiệp", phong trào thi đua "Cán bộ, công chức, viên chức ngành Kế hoạch và Đầu tư thi đua thực hiện văn hóa công sở giai đoạn 2019-2025" ban hành kèm theo Quyết định số 1135/QĐ-BKHĐT ngày 30/7/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Kiên quyết xử lý nghiêm người đứng đầu có biểu hiện bao che, dung túng công chức dưới quyền có hành vi sai trái hoặc công chức dưới quyền có hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà đối với doanh nghiệp.

Nghiêm chỉnh thực hiện đúng quy định việc tiếp công dân, tiếp nhận những phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của doanh nghiệp, người dân theo đúng quy định.

3. Thực hiện CCHC, đổi mới công nghệ quản lý và tăng cường công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan

Tiếp tục thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) thuộc thẩm quyền giải quyết, không để xảy ra trễ hạn trong giải quyết hồ sơ, không yêu cầu doanh nghiệp bổ sung hồ sơ, tài liệu quá 01 lần. Thực hiện việc xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng qua hệ thống văn bản điện tử của tỉnh, sử dụng chữ ký số trong trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính. Công khai tiến độ giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng thông tin điện tử và hệ thống một cửa điện tử của cơ quan (36 TTHC theo cơ chế một cửa, 08 TTHC theo cơ chế một cửa liên thông).

Tiếp tục thực hiện tiếp nhận và trả kết qua dịch vụ bưu chính công ích đối với 03 TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đối với 11 TTHC, mức độ 4 đối với 16 TTHC. Tăng cường tuyên truyền và hướng dẫn doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và dịch vụ bưu chính công ích.

Thường xuyên rà soát, thống kê các TTHC trên cơ sở quyết định công bố của bộ, ngành chuẩn hóa để kịp thời trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố theo quy định.

Tiếp tục công khai địa chỉ đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý, giải quyết kịp thời các phản ánh, kiến nghị, tố cáo của người dân, doanh nghiệp, nhất là về hành vi những nhiễu gây phiền hà (Thông báo số 213/TB-BQL ngày 10/12/2019).

Trên đây là báo cáo tình hình, kết quả thực hiện CCHC năm 2021 của Ban Quản lý các khu công nghiệp./.

Nơi nhận:
- Sở Nội vụ;
- BLĐ;
- Các phòng;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SÓC TRĂNG

Ban Quản lý Các Khu công nghiệp
Tỉnh Sóc Trăng
17-12-2021 09:48:53 +07:00

Nguyễn Thanh Trong

Ban Quản lý Các Khu công nghiệp
Tỉnh Sóc Trăng
17-12-2021 09:49:20 +07:00

THỐNG KÊ SỐ LIỆU VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2021
TẠI BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SÓC TRĂNG

(Kèm theo Báo cáo số 97 /BC-BQL ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sóc Trăng)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
I	**Công tác chỉ đạo điều hành CCHC**			
1	Kế hoạch CCHC			Kế hoạch số 01/KH-BQL ngày 19/01/2021
	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	25	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	25	
	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	3	- Thông báo 04/TB-BQL ngày 04/02/2021; - Thông báo 95/TB-BQL ngày 09/6/2021. - Kế hoạch số 35/KH-BQL ngày 07/9//2021 tham gia thi trực tuyến CCHC.
2	Kiểm tra CCHC			Kế hoạch số 04/KH-BQL ngày 29/01/2021
	Số phòng ban đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	3	3/5 phòng
	Số đơn vị trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
3	Tuyên truyền CCHC			Kế hoạch số 03/KH-BQL ngày 28/01/2021
	Tỷ lệ thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền theo kế hoạch	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	Số lượng tin, bài viết, phóng sự gửi và duyệt đăng tại Chuyên trang CCHC tỉnh (https://cchc.soctrang.gov.vn/)	Tin, bài	3	
	Số lượng tin, bài viết, phóng sự đã đăng tại Chuyên mục CCHC của Trang Thông tin điện tử của đơn vị	Tin, bài	19	
	Có thực hiện tuyên truyền CCHC thường xuyên thông qua phương tiện truyền thông (báo, đài, website, zalo, …)	Tin, bài	21	Đăng tải trên chuyên trang CCHC tỉnh và Cổng TTĐT của BQL
	Có thực hiện tuyên truyền CCHC thường xuyên thông qua các cuộc họp, hội nghị, hội thi, hội diễn,…	Có = 1 Không = 0	1	- Tuyên truyền qua cuộc họp mặt doanh nghiệp đầu năm 2021; - Họp đánh giá kết quả thực hiện CCHC năm 2021 và giải pháp nâng cao chỉ số CCHC năm 2021.
4	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao			
	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	0	Chưa được giao nhiệm vụ
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
5	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	93	bổ sung hồ sơ 01 lần: 14 phiếu.
	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	Lấy ý kiến khi trả kết quả và định kỳ 6 tháng, năm gửi phiếu lấy ý kiến tất cả các doanh nghiệp trong KCN An Nghiệp.
	Tỷ lệ hài lòng trong kỳ báo cáo	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6	Việc chấp hành Chỉ thị 10 của Chủ tịch UBND tỉnh, Chỉ thị 10 và Chỉ thị 26 của Thủ tướng Chính phủ về kỷ luật, kỷ cương hành chính	Tốt =1 Có vi phạm = 0	1	
7	Nhiệm vụ khác (nếu có)			
II	**Cải cách thể chế**			
1	Số VBQPPL đã tham mưu ban hành	Văn bản	0	Nghị quyết
			1	Quyết định 15/2021/QĐ-UBND ngày 25/6/2021
	Số VBQPPL tham mưu ban hành đúng tiến độ	Văn bản	1	
	Số VBQPPL tham mưu ban hành đúng quy trình, thủ tục theo quy định	Văn bản	1	
2	Rà soát VBQPPL			
	Số VBQPPL phải rà soát	Văn bản	6	
	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	6	
	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
III	**Cải cách thủ tục hành chính**			
1	Kế hoạch rà soát TTHC	Có = 1 Không = 0	1	Kế hoạch số 05/KH-BQL ngày 29/01/2021
2	Thống kê TTHC			
	Số TTHC được công bố mới	Thủ tục	34	
	Số TTHC đã được bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	30	
	Tổng số TTHC đang có hiệu lực:	Thủ tục	40	
	- *Số TTHC áp dụng tại cơ quan, đơn vị:*	Thủ tục	40	
	- *Số TTHC áp dụng tại các đơn vị trực thuộc:*	Thủ tục	0	
3	Vận hành Trang Một cửa điện tử của cơ quan, đơn vị			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Trang Một cửa điện tử	Thủ tục	40	
	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Trang Một cửa điện tử	Thủ tục	29	Mức độ 3: 03. Mức độ 4: 26.
4	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận phản ảnh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	Có = 1 Không = 0	1	Tại trụ sở, Cổng TTĐT cơ quan
	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	Ý kiến	0	
	Số lượng ý kiến đã giải quyết	Ý kiến	0	
5	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	1	
	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	0	
	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	
	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
6	Kết quả giải quyết TTHC			
	Số lượng hồ sơ TTHC do cơ quan, đơn vị tiếp nhận	hồ sơ	121	Một cửa: 114. Một cửa liên thông: 07.
	Số lượng hồ sơ TTHC do cơ quan, đơn vị trả kết quả	hồ sơ	74	Một cửa: 70. Một cửa liên thông: 4. Đang giải quyết trong hạn: 01.
	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận được giải quyết đúng hẹn	%	98,25	Trước hạn: 112 hồ sơ. Quá hạn: 02 hồ sơ (01 hồ sơ thực tế trả kết quả cho doanh nghiệp trước hạn nhưng do thời gian đó công chức tập trung thực hiện một số nhiệm vụ cấp bách phòng, chống dịch COVID-19 nên xử lý sót trên hệ thống Một cửa

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				điện tử và 01 hồ sơ giải quyết ngay khi tiếp nhận "chì lưu hồ sơ" nhưng do quá trình cấu hình trên hệ thống bị lỗi nên báo trễ hạn).
7	Vận hành Cổng dịch vụ công			
	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	40	
	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	29	Mức độ 3: 03. Mức độ 4: 26.
	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến	Thủ tục	0	
IV	**Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**			
1	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
	Số phòng ban chuyên môn thuộc khối văn phòng sở	Cơ quan, đơn vị	3	
	Số tổ chức hành chính trực thuộc sở ngành (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số phòng ban chuyên môn trong tổ chức hành chính trực thuộc (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở ngành (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	1	Chưa có tổ chức bộ máy
	Số phòng ban chuyên môn trong đơn vị sự nghiệp trực thuộc (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số lượng phòng ban, tổ chức hành chính thuộc sở cắt giảm trong năm (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	0	
	Tỷ lệ phòng ban, tổ chức hành chính thuộc sở cắt giảm so với kế hoạch năm (nếu có)	%	40	
	Số lượng đơn vị sự nghiệp cắt giảm trong năm (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	Số phòng ban trong đơn vị sự nghiệp thuộc sở được cắt giảm trong năm (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	0	
	Tỷ lệ phòng ban trong đơn vị sự nghiệp thuộc sở được cắt giảm so với kế hoạch năm (nếu có)	%	0	
2	Số liệu về biên chế công chức			
	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	27	
	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	27	
	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	10	
	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với kế hoạch năm	%	0	
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có)		0	
	Tổng số người làm việc được giao	Người		
	Tổng số người làm việc có mặt	Người		
	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
	Tỷ lệ % đã tinh giản so với kế hoạch năm	%		
4	Số người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn (nếu có)		0	
	Tổng số người làm việc được duyệt	Người		
	Tổng số người làm việc có mặt	Người		
5	Số liệu về lãnh đạo			
	Số lượng lãnh đạo cấp sở, ngành	Người	4	
	Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc sở, ngành	Người	5	2 TP; 03 PTP
	Số lượng lãnh đạo cấp phòng trong đơn vị trực thuộc	Người	0	
6	Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước		0	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	Số đơn vị hành chính cấp huyện, phòng chuyên môn cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
	Số đơn vị hành chính cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
7	Thanh tra chuyên ngành		0	
	Số sở ngành và các đơn vị trực thuộc sở ngành đã thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
	Số đơn vị hành chính cấp huyện và các đơn vị thuộc, trực thuộc UBND cấp huyện đã thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
	Số đơn vị hành chính cấp xã đã thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
	Số vấn đề phát hiện qua thanh tra	Vấn đề		
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
V	**Cải cách chế độ công vụ**			
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
	Cơ quan, đơn vị đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Có = 1 Không = 0	1	Quyết định số 2064/QĐ-BNV ngày 31/12/2015
	Cơ quan, đơn vị đã thực hiện rà soát, hoàn chỉnh bản mô tả vị trí việc làm, khung năng lực công chức, viên chức theo chức năng, nhiệm vụ hiện hành và gửi về Sở Nội vụ	Có = 1 Không = 0	1	Đề án số 03/ĐA-BQL ngày 30/9/2021
2	Tuyển dụng công chức, viên chức (nếu có)		0	
	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
3	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	
	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc đơn vị trực thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
4	Công tác đào tạo, bồi dưỡng			
	Số người được đạo tào, bồi dưỡng theo Kế hoạch	Người	2	Công văn số 505/BQL-VP ngày 02/10/2020
	Số người đã được đạo tào, bồi dưỡng thực tế	Người	4	
5	Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác			
	Chỉ tiêu chuyển đổi theo quy định	Người	1	Kế hoạch 26/KH-BQL ngày 31/5/2021
	Kết quả thực hiện thực tế	Người	0	Báo cáo 78/BC-BQL ngày 03/11/2021
6	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức *(cả về Đảng và chính quyền)*.		0	
	Số lãnh đạo cấp sở, ngành bị kỷ luật.	Người		
	Số lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc sở, ngành bị kỷ luật.	Người		
	Số lãnh đạo cấp phòng trong đơn vị trực thuộc sở, ngành bị kỷ luật.	Người		
	Số công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc sở, ngành bị kỷ luật.	Người		
	Số người làm việc tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		
	- Trong đơn vị SNCL tự chủ hoàn toàn			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	- Trong đơn vị SNCL tự chủ một phần			
	- Trong đơn vị SNCL do ngân sách nhà nước đảm bảo			
VI	**Cải cách tài chính công**			
1	Sở ngành thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định	Có = 1 Không = 0	1	
2	Số tổ chức hành chính trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	Cơ quan, đơn vị	0	
3	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) thực hiện cơ chế tự chủ		1	
	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Cơ quan, đơn vị		
	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Cơ quan, đơn vị	1	
	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Cơ quan, đơn vị		
	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Cơ quan, đơn vị		
5	Số lượng đơn vị trực thuộc có Quy chế chi tiêu nội bộ đã được thẩm định và ban hành theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
4	Quy chế chi tiêu nội bộ của sở ngành đã được thẩm định và ban hành theo quy định	Có = 1 Không = 0	1	
VII	**Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số**			
1	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
	Tổng số văn bản đi của cơ quan, đơn vị:	Văn bản	1654	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	- Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	100	1505 văn bản gửi Sở ngành. 149 văn bản gửi các doanh nghiệp và quyết định nội bộ cơ quan.
	- Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	0	
2	Vận hành kết nối liên thông với Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh	Có = 1 Không = 0	1	
3	Dịch vụ công trực tuyến			
	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	03	
	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	26	
	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	26,3	5/19
	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	0	
4	Dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)			
	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ (BCCI)	Thủ tục	40	
	Tổng số TTHC thực tế được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Thủ tục	0	
	Tổng số TTHC thực tế được trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Thủ tục	0	
	Tổng số hồ sơ thực tế được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ	0	
	Tổng số hồ sơ thực tế được trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ	0	
5	Áp dụng ISO trong hoạt động			
	Sở ngành thực hiện công bố, công bố lại ISO	Có = 1 Không = 0	1	QĐ 24/QĐ-BQL ngày 22/4/2020
	Sở ngành thực hiện đánh giá nội bộ	Có = 1 Không = 0	1	KH số 12/KH-BQL ngày 04/3/2021

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	Sở ngành thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	Có = 1 Không = 0	1	
	Đơn vị trực thuộc sở ngành thực hiện công bố, công bố lại ISO	Có = 1 Không = 0	0	
	Đơn vị trực thuộc sở ngành thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	Có = 1 Không = 0	0	
	Đơn vị trực thuộc sở ngành thực hiện đánh giá nội bộ	Có = 1 Không = 0	0	